

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần	P1.1. Quan sát	R.01	W1.1 50%	W1 20%	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6
	A1.2 Tham gia các hoạt động trên lớp	P1.2. Quan sát	R.01	W1.2 50%		CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ	P2.1 Tự luận	R.06	W2.1 100%	W2 30%	CLO 1
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Kiểm tra cuối kỳ	P3.1 Tự luận	R.06	W3.1 100%	W3 50%	CLO 1, 2

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (4 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/ THL1/ THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		

1	Chương 1. Việt Nam từ thời Tiền sử đến thời dựng nước 1.1. Việt Nam thời nguyên thủy 1.1.1. Dấu vết Người vượn ở Việt Nam 1.1.2. Sự phát triển của xã hội nguyên thủy Việt Nam từ thời đá cũ đến sơ kỳ thời đại đồ đồng	3/1/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số 2, [1], [2], [3], [4], [5] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6
2	1.2. Việt Nam thời kỳ dựng nước 1.2.1. Sự chuyển biến về kinh tế-xã hội 1.2.2. Sự ra đời của nước Văn Lang. 1.2.3. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tần và sự ra đời của nước Âu Lạc. 1.2.4. Nền văn minh sông Hồng và đời sống vật chất, tinh thần	3/1/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [6] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2	

	của cư dân Văn Lang - Âu Lạc. 1.2.5. Kháng chiến chống Triệu.		tiếp trên lớp			
3	Chương 2: Việt Nam trong thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc (179TCN-905) 2.1. Chính sách đô hộ của các triều đại phương Bắc 2.1.1. Tổ chức cai trị 2.1.2. Vơ vét, bóc lột tàn bạo nhân dân bản xứ 2.1.3. Đồng hóa dân tộc 2.2. Những chuyển biến kinh tế, xã hội, văn hóa 2.2.1. Về kinh tế 2.2.2. Những chuyển biến về xã hội 2.2.3. Những chuyển biến về văn hóa	3/1/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4], [5] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2 A2.1 A3.1	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6
4	2.3. Công cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ các di sản văn hóa cổ truyền 2.3.1. Phong trào	3/1/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp:	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4], [5] - Trên lớp:	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6

	đấu tranh vũ trang giành độc lập 2.3.2. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng 2.3.3. Lâm Ấp-Chămpa từ thế kỷ III đến thế kỷ X và vương quốc Phù Nam ở các thế kỷ I-VI		+ Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	+ Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao		
5	Chương 3: Việt Nam từ thế kỷ X đến cuối thế kỷ XIV 3.1. Bước đầu xây dựng và bảo vệ quốc gia độc lập, thống nhất thời Khúc-Ngô-Đinh-Tiền Lê 3.1.1. Xây dựng và bảo vệ nền tự chủ 3.1.2. Nước Đại Cồ Việt thời Đinh-Tiền Lê (968-1009) 3.2. Đại Việt trong các thế kỷ XI-XIV 3.2.1. Đại Việt dưới thời Lý (1009-1225) 3.2.2. Đại Việt	3/1/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [7], [8], [9], [10], [11] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2 A2.1 A3.1	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6

	dưới thời Trần (1226-1400)					
6	3.3. Các cuộc kháng chiến chống xâm lược thời Lý-Trần 3.3.1. Cuộc kháng chiến chống Tống 3.3.2. Ba lần kháng chiến chống Mông - Nguyên	3/1/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [7], [8], [9], [10], [11] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6
7	3.4. Đại Việt cuối thế kỷ XIV và cuộc cải cách của Hồ Quý Ly 3.4.1. Khủng hoảng cuối Trần 3.4.2. Cải cách của Hồ Quý Ly và nhà Hồ 3.5. Văn hoá Đại Việt thời Lý - Trần - Hồ 3.5.1. Tình hình tôn giáo tín ngưỡng. 3.5.2. Giáo dục,	3/1/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [7], [8], [9], [10], [11] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6

	văn học, nghệ thuật. 3.5.3. Khoa học kỹ thuật.		chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp			
8	Kiểm tra giữa kì		GV tổ chức thi Tự luận	SV ôn tập tham gia kiểm tra	A2.1	CLO 1
9	Chương 4: Việt Nam thế kỷ XV 4.1. Chính sách đô hộ của nhà Minh 4.1.1. Tổ chức chính quyền đô hộ 4.1.2. Bóc lột, vơ vét của cải tàn bạo 4.1.3. Âm mưu đồng hóa	3/1/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [7], [8], [9], [10], [11] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6
10	4.2. Khởi nghĩa Lam Sơn (1418-1427) 4.2.1. Phong trào đấu tranh chống đô hộ trước khởi nghĩa Lam Sơn 4.2.2. Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn, xây dựng và bảo vệ căn cứ địa	3/1/0	- Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [7], [8], [9], [10], [11] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6

	vùng rừng núi Thanh Hóa (1418-1423) 4.2.3. Tiến quân vào Nghệ An, mở rộng vùng giải phóng Tân Bình-Thuận Hóa (1424-1425) 4.2.4. Tổng tấn công ra Bắc giải phóng hoàn toàn đất nước (1426-1427)		phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	GV giao		
11	4.3. Đại Việt thời Lê Sơ 4.3.1. Tình hình chính trị 4.3.2. Tình hình kinh tế-xã hội 4.3.3. Tình hình văn hóa	3/1/0	- Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [7], [8], [9], [10], [11] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6
12	Chương 5: Việt Nam trong các thế kỷ bị chia cắt (Từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVIII) 5.1. Tình hình chính trị	3/1/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [7], [8], [9], [10], [11] - Trên lớp: + Làm việc	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6

	5.1.1.Nhà Lê suy sụp và sự ra đời của triều Mạc 5.1.2. Triều Lê Trung hưng và cục diện Nam-Bắc triều 5.1.3. Trịnh-Nguyễn phân tranh		+ Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao		
13	5.2. Tình hình kinh tế nông nghiệp 5.2.1. Tình hình ruộng đất và kinh tế nông nghiệp Đàng Ngoài 5.2.1. Công cuộc khẩn hoang và kinh tế nông nghiệp Đàng Trong 5.3. Sự phát triển của kinh tế hàng hóa 5.3.1. Sản xuất thủ công nghiệp 5.3.2. Tình hình nội thương 5.3.3. Buôn bán với nước ngoài 5.3.4. Sự hưng khởi của các đô thị	3/1/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [7], [8], [9], [10], [11] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6

14	5.4. Tình hình văn hóa 5.4.1. Tôn giáo, tín ngưỡng 5.4.2. Giáo dục và khoa cử 5.4.3. Văn học, nghệ thuật 5.4.4. Khoa học - kỹ thuật	3/1/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [7], [8], [9], [10], [11] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6
15	Chương 6: Việt Nam từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX 6.1. Cuộc khủng hoảng của chế độ phong kiến bắt đầu ở Đàng Ngoài 6.1.1. Tình hình nửa đầu thế kỷ XVIII 6.1.2. Phong trào khởi nghĩa nông dân 6.2. Phong trào	3/1/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số 2[1], [2], [3], [4], [5], [7], [8], [9], [10], [11] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6

	nông dân Tây Sơn 6.2.1. Cuộc khủng hoảng của chế độ phong kiến trên phạm vi cả nước 6.2.2. Phong trào nông dân Tây Sơn		chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp			
16	6.3. Việt Nam ở nửa đầu thế kỷ XIX: Thời Nguyễn 6.3.1. Tình hình chính trị 6.3.2. Tình hình kinh tế 6.3.3. Tình hình xã hội và các cuộc đấu tranh của nhân dân 6.3.4. Đời sống văn hóa ở nửa sau thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX	3/1/0	- Phương pháp chủ đạo: + Thuyết trình - Phương pháp kết hợp: + Dạy học hợp tác + Dạy học giải quyết vấn đề - Kỹ thuật dạy học: + Sơ đồ tư duy + Phân tích phim video - Hình thức tổ chức dạy học cơ bản: trực tiếp trên lớp	- Chuẩn bị + Tự học, tự nghiên cứu - Đọc tài liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [7], [8], [9], [10], [11] - Trên lớp: + Làm việc nhóm để giải quyết vấn đề + Thảo luận nhóm + Thực hiện các nhiệm vụ GV giao	A1.1 A1.2	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6
17	Kiểm tra cuối		Ra đề thi Tự luận và tổ chức thi theo Lịch sử nhà trường	SV ôn tập và tham gia thi kết thúc học phần	A3.1	CLO 1, 2

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Trương Hữu Quỳnh	2020	[1] Đại cương lịch sử Việt Nam Toàn tập	Nxb Giáo dục
2	Huỳnh Công Bá	2008	[2] Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	Nxb Thuận Hóa
3	Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng	1983	[3] Lịch sử Việt Nam [4]	Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp
4	Trương Hữu Quỳnh, Nguyễn Cảnh Minh	1997	[5] Lịch sử Việt Nam từ nguyên thủy đến 1858	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội
5	Viện sử học	2017	[6] Lịch sử Việt Nam (15 tập)	NXB Khoa học Xã hội
Sách, giáo trình tham khảo				
6	Nhiều tác giả	1973	Hùng Vương dựng nước	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học
7	Nhiều tác giả	1984	Thế kỷ X, những vấn đề lịch sử	NXB Khoa học Xã hội
8	Phan Huy Lê, Phan Đại Doãn	1965	Khởi nghĩa Lam Sơn và phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV	NXB Khoa học Xã hội
9	Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm	1968	Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên - Mông thế kỷ XII	NXB Khoa học Xã hội
10	Trương Hữu Quỳnh	1983	Chế độ ruộng đất ở Việt Nam	NXB Khoa học xã hội
11	Phan Huy Lê	1976	Những trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử	. NXB Quân đội Nhân dân

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1			

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1				

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 07 năm 2021

Trưởng khoa**Trưởng bộ môn****Giảng viên biên soạn****ThS. Trương Trung Phương****TS. Trương Anh Thuận****TS. Trương Anh Thuận**

20. LỊCH SỬ VIỆT NAM CẬN - HIỆN ĐẠI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA LỊCH SỬĐộc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	History of the early modern - the modern Vietnam
1.3	Mã học phần:	31841320
1.4	Số tín chỉ:	4TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	3TC (45 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	1TC (15 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	120 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Nguyễn Duy Phương
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Nguyễn Minh phương
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Lịch sử Việt Nam và Phương pháp dạy học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☒ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay, gắn liền với những mạch nội dung chính đó là: các phong trào đấu tranh bảo vệ, giành độc lập từ tay thực dân Pháp từ 1858 - 1945; cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược từ 1945-1975 và công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa từ năm 1975 đến nay. Từ đó góp phần giáo dục truyền thống cách mạng, yêu nước, khơi dậy ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với sự phát triển của quê hương, đất nước.

3. Mục tiêu học phần

3.1 Mục tiêu chung

Học phần Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức tương đối hoàn chỉnh và có hệ thống kiến thức thông sử liên quan đến tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội Việt Nam từ năm 1858 đến nay. Từ đó, giúp sinh viên có được những hiểu biết cơ bản về các phong trào yêu nước, phong trào ách mạng, vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam và chủ tịch Hồ chí Minh đối với sự nghiệp đấu tranh giành, giữ độc lập cho dân tộc; xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Đây là những kiến thức thông sử quan trọng, giúp sinh viên có cái nhìn khái quát về quá trình phát triển của Lịch sử Việt Nam qua các thời kì. Từ đó có thể vận dụng để dễ dàng tiếp cận những kiến thức chuyên sâu ở các học phần chuyên đề và quá trình nghiên cứu, giảng dạy lịch sử về sau.

3.2 Mục tiêu cụ thể (*Course Objectives: COs*)

Sau khi học xong học phần này sinh viên có:

- **CO1:** Kiến thức cơ bản nhất về diễn trình lịch sử Việt Nam thời cận hiện đại, những mốc phân kì chính; các vấn đề nổi bật trong quá trình lịch sử cận hiện đại.
- **CO2:** Kỹ năng kỹ năng vận dụng các kiến thức liên ngành như kinh tế, chính trị, quan hệ đối ngoại, pháp luật, văn hóa... thuộc thời cận hiện đại trong học tập và nghiên cứu lịch sử; kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá về các vấn đề thuộc lĩnh vực lịch sử Việt Nam cận hiện đại...
- **CO3:** Kỹ năng tự nghiên cứu, thao tác tư duy độc lập, sáng tạo trong việc học tập, nghiên cứu Lịch sử và công tác giảng dạy Lịch sử sau này.
- **CO4:** Lòng tự hào chân chính về những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (*Course Learning Outcomes: CLOs*)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO1	Trình bày được những diễn biến chính của tiến trình Lịch sử Việt Nam từ năm 1858 đến nay.	PI1.3	M, A
CLO2	Phân tích được ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội Việt Nam, thế giới đến sự phát triển của các phong trào đấu tranh bảo vệ và giành độc lập cho dân tộc (1858 – 1945), cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ (1945-1975) và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay.	PI1.3	M
CLO3	Phân tích được đóng góp của một số nhân vật lịch sử trong thời kì Cận - hiện đại đối với tiến trình phát triển của Lịch sử dân tộc.	PI1.3	M
CLO4	Đánh giá được ảnh hưởng của một số sự kiện lịch sử quan trọng trong thời kì lịch sử cận hiện đại đến sự phát triển của lịch sử Việt Nam và Thế giới.	PI1.4	R
CLO5	Rút ra được bài học kinh nghiệm từ những sự kiện lịch sử thời cận hiện đại vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hiện tại và tương lai.	PI6.1	I
		PI6.2	I
CLO6	Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện, năng lực đánh giá và tự đánh giá	PI7.1	R
CLO7	Thể hiện niềm tự hào, trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của Việt Nam.	PI8.3	I

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)					
	PLO1		PLO6		PLO7	PLO8
	PI1.3	PI1.4	PI6.1	PI6.2	PI7.1	PI8.3
CLO 1	M, A					
CLO 2	M					
CLO 3	M					
CLO 4		R				
CLO 5			I	I		
CLO 6					R	
CLO 7						I

6. Đánh giá học phần

6.1 Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần, hoạt động trên lớp	P1.1 Số buổi tham gia học/Mức độ tham gia đóng góp	R0.1	W1.1. 50%	W1. 20%	CLO 1-7
	A1.2. Bài tập thuyết trình nhóm	P1.2. Sản phẩm nhóm trình bày tại lớp	R0.4	W1.2. 50%		CLO 2,3,4,6
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ	P2.1. Báo cáo bài tiểu luận nhóm	R.03 R.04	W2.1 100%	W2. 30%	CLO 3
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Kiểm tra cuối kỳ	P3.1 Tự luận	R.06	W3.1. 100%	W3. 50%	CLO 1

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (4 Tiết /buổi)	Nội dung chi tiết	Số tiết (LT /THL1 /THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1: Việt Nam từ 1858 đến cuối thế kỷ XIX 1.1. Cuộc kháng chiến ở Đà Nẵng và 3 tỉnh miền Đông - Điều ước Nhâm Tuất (5-6-1862) 1.2. Phong trào Cần Vương	3/1/0	- Sử dụng phương pháp thuyết giảng để dạy học nêu vấn đề để trình bày và giải thích về những nội dung liên quan đến bài học. - Tổ chức học sinh thảo luận nhóm	- Đọc trước tài liệu [1] tr.25-328 - Nghe giảng và tham gia phát biểu xây dựng nội dung bài học. - Tham gia hoạt động nhóm.	A1.1 A1.2	CLO 1-3
2	Chương 1: Việt Nam từ 1858 đến cuối thế kỷ XIX 1.2. Phong trào Cần Vương (tt) 1.3. Phong trào tự vệ của nhân dân các địa phương 1.4. Những đợt sóng cuối cùng	3/1/0	- Sử dụng phương pháp thuyết giảng để dạy học nêu vấn đề để trình bày và giải thích về những nội dung liên quan đến bài học. - Tổ chức học sinh thảo luận nhóm. - Hướng dẫn sinh viên tự tìm hiểu nội dung bài học ở nhà.	- Đọc trước tài liệu [1]tr.223-328 - Nghe giảng và tham gia tìm hiểu những nội dung tiếp theo của phong trào Cần Vương. - Tham gia thảo luận nhóm. - Về nhà tìm	A1.1 A1.2	CLO 1-3

	của phong trào kháng Pháp cuối thế kỉ XIX			hiệu tài liệu [1] tr.328-417 tự học nội dung 1.3, 1.4.		
3	Chương 2: Việt Nam từ 1897 đến 1918 2.1. Tình hình thế giới và trong nước 2.2. Cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX	3/1/0	- Sử dụng phương pháp thuyết giảng đề, dạy học nêu vấn đề để trình bày và giải thích về những nội dung liên quan đến bài học. - Tổ chức học sinh thảo luận nhóm	- Đọc trước tài liệu [2] tr.488- 546 - Nghe giảng và tham gia phát biểu nội dung bài học. - Tham gia thảo luận nhóm.	A1.1 A1.2	CLO 2-4
4	Chương 2: Việt Nam từ 1897 đến 1918 2.2. Cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX (tt)	3/1/0	- Sử dụng phương pháp thuyết giảng đề, dạy học nêu vấn đề để trình bày và giải thích về những nội dung liên quan đến bài học. - Tổ chức học sinh thảo luận nhóm	- Đọc trước tài liệu [2] tr.546- 616 - Nghe giảng và tham gia phát biểu nội dung bài học. - Tham gia thảo luận nhóm.	A1.1 A1.2	CLO 2-4
5	Chương 3: Việt Nam từ 1919 đến 1930 3.1. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ 1919 đến 1924	3/1/0	- Sử dụng phương pháp thuyết giảng đề, dạy học nêu vấn đề để trình bày và giải thích về những nội dung liên quan đến bài học. - Tổ chức học sinh thảo luận nhóm	- Đọc trước tài liệu [3] tr.23 - 518 - Nghe giảng và tham gia phát biểu nội dung. - Tham gia thảo luận nhóm.	A1.1, A1.2	CLO 1-6

6	Chương 3: Việt Nam từ 1919 đến 1930 3.3. Phong trào cách mạng ở Việt Nam từ 1925 - 1930 3.4. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam 1930	3/1/0	- Sử dụng phương pháp thuyết giảng đề, dạy học nêu vấn đề để trình bày và giải thích về những nội dung liên quan đến bài học. - Tổ chức học sinh thảo luận nhóm	- Đọc trước tài liệu [3] tr.534 - 572 - Nghe giảng và tham gia phát biểu nội dung. - Tham gia thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO 1-6
7	Chương 4: Việt Nam từ 1930 đến 1945 4.1. Phong trào cách mạng Việt Nam giai đoạn 1930-1931	3/1/0	Sử dụng phương pháp thuyết giảng đề, dạy học nêu vấn đề để trình bày và giải thích về những nội dung liên quan đến bài học. - Tổ chức học sinh thảo luận nhóm	- Đọc trước tài liệu [5] 23-301. - Thuyết trình theo nhóm tại lớp. - Trả lời các câu hỏi từ các nhóm và GV. - Tốc kí các vấn đề được chốt.	A1.1 A1.2	CLO 3-5
8	Kiểm tra giữa kì		- Tổ chức sinh viên trình sản phẩm nhóm	- Chuẩn bị hoàn thiện báo cáo và slide trình bày của nhóm. - Tham gia trình bày, trả lời những câu hỏi phản biện. - Tham gia góp ý, nêu câu hỏi cho các nhóm khác.	A2.1	CLO3

9	Chương 4: Việt Nam từ 1930 đến 1945 4.3. Cuộc vận động dân chủ 1936-1939	3/1/0	Sử dụng phương pháp thuyết giảng để dạy học nêu vấn đề để trình bày và giải thích về những nội dung liên quan đến bài học. - Tổ chức học sinh thảo luận nhóm	- Đọc trước tài liệu [5] tr.301 – 492. - Thuyết trình theo nhóm tại lớp. - Trả lời các câu hỏi từ các nhóm và GV. - Tốc kí các vấn đề được chốt.	A1.1 A1.2	CLO 3-5
10	Chương 4: Việt Nam từ 1930 đến 1945 4.4. Cuộc vận động giải phóng dân tộc 1939-1945 4.5. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám 1945	3/1/0	Sử dụng phương pháp thuyết giảng để dạy học nêu vấn đề để trình bày và giải thích về những nội dung liên quan đến bài học. - Tổ chức học sinh thảo luận nhóm	- Đọc trước tài liệu [5] tr. 598 - 727 - Thuyết trình theo nhóm tại lớp. - Trả lời các câu hỏi từ các nhóm và GV. - Tốc kí các vấn đề được chốt.	A1.1, A1.2	CLO 3-5
11	Chương 5. Việt Nam từ 1945 đến năm 1954 5.1. Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám (2/9/1945 - 19/12/1946) 5.2. Từ kháng chiến toàn quốc bùng nổ đến	3/1/0	Sử dụng phương pháp thuyết giảng để dạy học nêu vấn đề để trình bày và giải thích về những nội dung liên quan đến bài học. - Tổ chức học sinh thảo luận nhóm	- Đọc trước tài liệu [11] tr.5-29 - Thuyết trình theo nhóm tại lớp. - Trả lời các câu hỏi từ các nhóm và GV. - Tốc kí các vấn đề được chốt.	A1.1 A1.2	CLO 3-5

	chiến thắng Việt Bắc (19/12/1946 - 12/1947)					
12	Chương 5. Việt Nam từ 1945 đến năm 1954 5.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân toàn diện (1948-1950) 5.4. Đẩy mạnh kháng chiến đi đến thắng lợi (1951-1954)	3/1/0	Sử dụng phương pháp thuyết giảng để dạy học nêu vấn đề để trình bày và giải thích về những nội dung liên quan đến bài học. - Tổ chức học sinh thảo luận nhóm	- Đọc trước tài liệu [11] tr.29- 70 - Nghe giảng và tham gia phát biểu nội dung. - Tham gia thảo luận nhóm.	A1.1, A1.2	CLO 4-6
13	Chương 5. Việt Nam từ 1945 đến năm 1954 5.4. Đẩy mạnh kháng chiến đi đến thắng lợi (1951-1954) 5.5. Hội nghị Genève 1954 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Pháp	3/1/0	Sử dụng phương pháp thuyết giảng để dạy học nêu vấn đề để trình bày và giải thích về những nội dung liên quan đến bài học. - Tổ chức học sinh thảo luận nhóm	- Đọc trước tài liệu [11] tr.70- 93 - Nghe giảng và tham gia phát biểu nội dung. - Tham gia thảo luận nhóm.	A1.1 A1.2	CLO 4-6
14	Chương 6. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975 6.1. Tình hình	3/1/0	Sử dụng phương pháp thuyết giảng để dạy học nêu vấn đề để trình bày và giải thích về những nội dung liên quan	- Đọc trước tài liệu [11] tr.5-29 - Nghe giảng và tham gia phát biểu nội dung.	A1.1 A1.2	CLO 3-7

	Việt Nam sau Hiệp định Genève và chủ trương tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng của Đảng 6.2. Miền Bắc bước đầu tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa (1954-1965) 6.3. Đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954-1965)		đến bài học. - Tổ chức học sinh thảo luận nhóm	- Tham gia thảo luận nhóm		
15	Chương 6. Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975 6.4. Chiến đấu chống “<i>Chiến tranh cục bộ</i>” (1965-1968) 6.5. Chiến đấu chống “<i>Việt Nam hóa chiến tranh</i>” của Mỹ (1969-1973) 6.6. Hội nghị Paris về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam (1968-1973)	3/1/0	Sử dụng phương pháp thuyết giảng để dạy học nêu vấn đề để trình bày và giải thích về những nội dung liên quan đến bài học. - Tổ chức học sinh thảo luận nhóm	- Đọc trước tài liệu [11] tr.93-187 - Nghe giảng và tham gia phát biểu nội dung. - Tham gia thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO 3-7

	6.7. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975					
16	Chương 7. Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000 7.1. Khắc phục hậu quả chiến tranh, hoàn thành thống nhất đất nước, đấu tranh bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc 7.2. Đất nước bước đầu đi lên chủ nghĩa xã hội (1976-1986) 7.3. Cả nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1986 - nay)	3/1/0	Sử dụng phương pháp thuyết giảng để dạy học nêu vấn đề để trình bày và giải thích về những nội dung liên quan đến bài học. - Tổ chức học sinh thảo luận nhóm	- Đọc trước tài liệu [11] tr.187-288 - Nghe giảng và tham gia phát biểu nội dung. - Tham gia thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO 1-7
17	Kiểm tra cuối kì		Kiểm tra tự luận.	Sinh viên đọc tài liệu, làm bài kiểm tra theo lịch sử nhà trường	A3.1	CLO 1

8. Tài liệu học tập

8.1 Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Sách, bài giảng, giáo trình chính			
1	Viện Hàn lâm Khoa học Lịch sử	2017	Lịch sử Việt Nam, tập 6, Từ 1858 đến 1896	Nxb Khoa học xã hội

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Việt Nam			
2	Viện Hàn lâm Khoa học Lịch sử Việt Nam	2017	Lịch sử Việt Nam, tập 7, Từ 1897 đến 1918	Nxb Khoa học xã hội
3	Viện Hàn lâm Khoa học Lịch sử Việt Nam	2017	Lịch sử Việt Nam, tập 8, Từ 1918 đến 1930	Nxb Khoa học xã hội
4	Viện Hàn lâm Khoa học Lịch sử Việt Nam	2017	Lịch sử Việt Nam, tập 9, Từ 1930 đến 1945	Nxb Khoa học xã hội
5	Viện Hàn lâm Khoa học Lịch sử Việt Nam	2017	Lịch sử Việt Nam, tập 10, Từ 1945 đến 1950	Nxb Khoa học xã hội
6	Viện Hàn lâm Khoa học Lịch sử Việt Nam	2017	Lịch sử Việt Nam, tập 11, Từ 1951 đến 1954	Nxb Khoa học xã hội
7	Viện Hàn lâm Khoa học Lịch sử Việt Nam	2017	Lịch sử Việt Nam, tập 12, Từ 1954 đến 1965	Nxb Khoa học xã hội
8	Viện Hàn lâm Khoa học Lịch sử Việt Nam	2017	Lịch sử Việt Nam, tập 13, Từ 1965 đến 1975	Nxb Khoa học xã hội
9	Viện Hàn lâm Khoa học Lịch sử Việt Nam	2017	Lịch sử Việt Nam, tập 14, Từ 1975 đến 1986	Nxb Khoa học xã hội
10	Viện Hàn lâm Khoa học Lịch sử Việt Nam	2017	Lịch sử Việt Nam, tập 15, Từ 1986 đến 2000	Nxb Khoa học xã hội
11	Lê Cung (chủ biên)	2013	Giáo trình Lịch sử Việt Nam hiện đại (1945 - 2010)	NXB Đại học Quốc gia

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
12	Trần Bá Đệ, Nguyễn Ngọc Cơ	1998	Lịch sử Việt Nam (từ nguồn gốc đến ngày nay)	NXB Đại học Quốc gia
13	Nguyễn Quang Ngọc	2001	Tiến trình lịch sử Việt Nam	NXB Giáo dục
14	Trương Công Huỳnh Kỳ, Nguyễn Tất Thắng, Đỗ Mạnh Hùng	2013	Lịch sử Việt Nam cận đại	NXB Đại học Huế
Sách, giáo trình tham khảo				
15	Trương Hữu Quýnh, Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh	2000	Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập I	NXB Giáo dục
16	Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ	2000	Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập II	NXB Giáo dục
17	Đinh Xuân Lâm (chủ biên)	2005	Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam	NXB Giáo dục

8.2 Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường	Loa, Micro, Máy chiếu		

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 7 năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

ThS. Trương trung Phương

TS. Trương Anh Thuận

TS. Nguyễn Duy Phương

21. ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN CÁC LỤC ĐỊA**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****KHOA: ĐỊA LÝ****Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc****CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lý

Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Địa lý tự nhiên các lục địa
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Continental Physical Geography
1.3	Mã học phần:	31931184
1.4	Số tín chỉ:	3TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	2TC (30 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	1TC (30 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	90 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Hoàng Thị Diệu Hương
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Thị Kim Thoa
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Địa lý tự nhiên và phương pháp giảng dạy
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	31942146 _ Địa lý tự nhiên đại cương
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☒ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Địa lí tự nhiên các lục địa là môn nằm vị trí trung tâm trong chương trình Địa lí, là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành giúp sinh viên nắm vững các kiến thức về các nhân tố hình thành tự nhiên, đặc điểm các hợp phần tự nhiên thuộc các khu vực Địa lí tự nhiên của các lục địa. Với học phần này, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về các thành phần tự nhiên của lục địa hoặc bộ phận nhỏ hơn lục địa gồm địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật và cảnh quan; đồng thời hình thành ở người học kỹ năng phân tích, đánh giá mối quan hệ giữa các thành phần để tạo nên tổng thể thông qua quá trình trao đổi vật chất và năng lượng.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của học phần là giúp người học có khả năng giảng dạy, nghiên cứu và làm việc trong các lĩnh vực liên quan đến các kiến thức cơ bản về Địa lí tự nhiên đại cương được thể hiện trên mỗi lục địa, các khu vực, các quốc gia trên thế giới thông qua việc nghiên cứu thể tổng hợp Địa lí tự nhiên tại các cơ sở giáo dục, đơn vị nghiên cứu.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Có những kiến thức cơ bản về vị trí, hình thể, giới hạn, lịch sử phát triển của lãnh thổ của các lục địa trên thế giới; các thể tổng hợp tự nhiên và sự phân hoá lãnh thổ của các lục địa phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp và học tập suốt đời;

- **CO2:** Có năng lực tổ chức và vận dụng các kiến thức lý thuyết của học phần vào giảng dạy một số bài cụ thể ở chương trình THCS, THPT; nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Khoa học Địa lí đáp ứng yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực người học, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi;

- **CO3:** Có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, giải quyết các vấn đề trong thực tế thuộc lĩnh vực khoa học Địa lí.

4.1. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO1	Mô tả được kiến thức cơ bản về vị trí Địa lí, đặc điểm địa chất, địa hình, khoáng sản, khí hậu, thủy văn và cảnh quan trên mỗi lục địa.	PI1.2	I

CLO2	Mở rộng được kiến thức môn Địa lí tự nhiên đại cương tương ứng với đặc điểm các hợp phần tự nhiên trên mỗi lục địa.	PI1.2 PI1.4	I R
CLO3	Khám phá được sự hình thành và phát triển đa dạng của các thể tổng hợp Địa lí tự nhiên trên các lục địa.	PI1.4	R
CLO4	Luyện tập xác định vị trí của các đối tượng Địa lí như địa hình, khoáng sản, thuỷ văn, ranh giới các đới khí hậu, cảnh quan trên bản đồ.	PI3.2	I
CLO5	Phân tích được các tài liệu, bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê để xác định sự phân hoá đặc trưng riêng của các thể tổng hợp Địa lí tự nhiên trên từng lục địa.	PI1.3	M,A
CLO6	So sánh được sự giống nhau và khác nhau giữa các đối tượng Địa lí tự nhiên giữa các khu vực và giữa các lục địa.	PI1.3	M,A
CLO7	Đánh giá được mối liên hệ và vai trò của các thể tổng hợp tự nhiên trong quá trình hình thành và phát triển lãnh thổ.	PI1.3	M,A
CLO8	Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.	PI7.2 PI7.3	I R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)						
	PLO1			PLO3	PLO7		PLO8
	PI1.2	PI1.3	PI1.4	PI3.2	PI7.2	PI7.3	
CLO1	I						
CLO2	I		R				

CLO3			R				
CLO4				I			
CLO5		M,A					
CLO6		M,A					
CLO7		M,A					
CLO8					I	R	

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Bài tập ngắn trên lớp, chuyên cần	P1.1. Trình bày tại lớp	R.01	W1.1 (50%)	W1 (20%)	CLO 1,2
	A1.2 Báo cáo mô tả bài tập nhóm	P1.2. Cuốn báo cáo và trình bày tại lớp	R.03; R.04	W1.2 (50%)		CLO 2;3;4;7;8
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ	P2.1 Tự luận	R.06	W2.1 (100%)	W2 (30%)	CLO 1;4;5;6
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Kiểm tra cuối kỳ	P3.1. Tự luận	R.06	W3.1 (100%)	W3 (50%)	CLO 1-7

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần / Buổi (4tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/ THL1/ THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐ R học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
CHƯƠNG 1: LỤC ĐỊA Á – ÂU						
1	1.1. Vị trí, hình thể, giới hạn của lục địa. 1.2. Lịch sử phát triển địa chất của lục địa.	2/1/0	- Phương pháp thuyết trình, gọi mở vấn đáp; - Phương pháp thực hành bản đồ.	<i>*Ở nhà</i> + Tự học, đọc và nghiên cứu giáo trình và các TLTK [1] trang 85-185; [2] trang 71-92; [3] trang 93-121. <i>*Trên lớp</i> + Nghe giảng, trả lời câu hỏi vấn đáp nội dung 1.1; 1.2 + Thực hành luyện tập bản đồ nội dung 1.1 <i>*Ở nhà</i> + Ôn tập kiến thức cũ + Đọc và nghiên cứu giáo trình, TLTK [1;2;4;7]	A1.1 A3.1	CLO 1, 2,3; 4
2	1.3. Địa hình. 1.4.Khoáng g sản.	2/1/0	+ Thuyết trình, giải thích, gọi mở vấn đáp; + Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Think-pair-share) nội dung sự phân hoá các khu vực địa hình + Thực hành bản đồ	<i>*Ở nhà</i> + Tự học, đọc và nghiên cứu giáo trình <i>*Trên lớp</i> + Nghe giảng trả lời câu hỏi nội dung đặc điểm chung Địa hình và Khoáng sản, sự phân bố KS; + Báo cáo theo từng cặp nội dung sự phân hoá các khu vực địa hình; + Thực hành xác định trên	A1.1 A3.1	CLO1; 4;5

				bản đồ các đơn vị địa hình cụ thể. *Ở nhà + Ôn tập kiến thức cũ + Đọc và nghiên cứu giáo trình, TLTK TLTK [1] trang 85-185; [2] trang 71-92; [3] trang 93-121; + Thảo luận nhóm nội dung lưu vực thủy văn lục địa Á – Âu.		
3	1.5. Khí hậu. 1.6. Thủy văn.	2/1/0	+ Thuyết trình, giải thích, gọi mở vấn đáp nội dung các nhân tố hình thành khí hậu và đặc điểm chung thủy văn; + Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Think-pair-share) nội dung sự phân hoá các đới khí hậu; + Thực hành bản đồ nhân tố khí áp, hoàn lưu và ranh giới các đới khí hậu + Phương pháp hoạt động nhóm (Group based learning) nội dung các lưu vực thủy văn.	*Ở nhà + Tự học, đọc và nghiên cứu giáo trình; chuẩn bị báo cáo nhóm. *Trên lớp + Nghe giảng trả lời câu hỏi nội dung các nhân tố hình thành khí hậu và đặc điểm chung thủy văn; + Báo cáo theo từng cặp nội dung sự phân hoá các đới khí hậu; + Thực hành xác định trên bản đồ các nhân tố khí áp, hoàn lưu và ranh giới các đới khí hậu; + Báo cáo nhóm nội dung các lưu vực thủy văn. *Ở nhà + Ôn tập kiến thức cũ + Đọc và nghiên cứu giáo trình, TLTK [1] trang 85-185; [2] trang 71-92; [3] trang 93-121.	A1.1 A1.2 A2.1 A3.1	CLO1; 2;3;5;6; 7
4	1.7.Cảnh quan. 1.8. Sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên.	2/1/0	+ Thuyết trình, giải thích, gọi mở vấn đáp nội dung các nhân tố và đặc điểm chung hình thành cảnh quan;	*Ở nhà + Tự học, đọc và nghiên cứu giáo trình. *Trên lớp + Nghe giảng trả lời câu hỏi;	A1.1 A1.2 A3.1	CLO 1, 4; 5, 7,8

			+ Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Think-pair-share) nội dung sự phân hoá các đối cảnh quan; + Thực hành bản đồ xác định ranh giới các đối cảnh quan + Hướng dẫn tự học nội dung 1.8.	+ Báo cáo theo từng cặp nội dung sự phân hoá các đối cảnh quan; + Thực hành xác định trên bản đồ ranh giới các đối cảnh quan; *Ở nhà + Ôn tập kiến thức cũ, xây dựng đề cương câu hỏi ôn tập cho phần lục địa Á – Âu; + Tự học phần 1.8 (nghiên cứu giáo trình, TLTK [1] trang 85-185; [2] trang 71-92; [3] trang 93-121; + Đọc và nghiên cứu giáo trình, TLTK [1] trang 23-85; [2] trang 39-71.		
CHƯƠNG 2: LỤC ĐỊA PHI						
5	2.1. Vị trí, hình thể, giới hạn của lục địa. 2.2. Lịch sử phát triển của lục địa.	2/1/0	- Phương pháp thuyết trình, gọi mở vấn đáp; - Phương pháp thực hành bản đồ.	*Ở nhà + Đọc và nghiên cứu giáo trình. *Trên lớp + Nghe giảng và trả lời vấn đáp nội dung 2.1; 2.2 + Thực hành luyện tập nội dung 2.1 *Ở nhà + Ôn tập kiến thức cũ + Đọc nghiên cứu giáo trình TLTK [1] trang 23-85; [2] trang 39-71.	A1.1, A2.1 A3.1	CLO 1, 2,3; 4, 6
6	2.3. Địa hình. 2.4. Khoáng sản. 2.5. Khí hậu.	2/1/0	+ Thuyết trình, giải thích, gọi mở vấn đáp; + Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Think-pair-share) nội dung sự phân hoá các khu vực địa hình; + Phương pháp nhóm nội dung các đối khí hậu;	*Ở nhà + Tự học, đọc và nghiên cứu giáo trình *Trên lớp + Nghe giảng trả lời câu hỏi nội dung đặc điểm chung Địa hình và Khoáng sản, sự phân bố KS; các nhân tố ảnh hưởng đến hình thành	A1.1, A1.2 A2.1 A3.1	CLO 1, 3,4;5;6 ;8

			+ Thực hành bản đồ	khí hậu; + Báo cáo theo từng cặp nội dung sự phân hoá các khu vực địa hình; + Báo cáo nhóm nội dung các đới khí hậu + Thực hành xác định trên bản đồ các đơn vị địa hình cụ thể và ranh giới các đới khí hậu. *Ở nhà + Ôn tập kiến thức cũ + Đọc và nghiên cứu giáo trình, TLTK [1] trang 23-85; [2] trang 39-71; + Thảo luận nhóm nội dung lưu vực thủy văn lục địa Phi.		
7	2.6. Thủy văn. 2.7. Cảnh quan. 2.8. Sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên.	2/1/0	- Thuyết trình, giải thích, vấn đáp; - Thực hành; - Tổ chức hoạt động nhóm trên lớp; - Tự học nội dung 2.8	* Ở nhà + Đọc và nghiên cứu TLTK. *Trên lớp + Nghe giảng và trả lời vấn đáp nội dung đặc điểm chung thủy văn và cảnh quan; + Thực hành luyện tập nội dung xác định ranh giới đới cảnh quan; + Báo cáo nhóm nội dung lưu vực thủy văn lục địa Phi; + Thảo luận nội dung các đới cảnh quan; + Tự học nội dung 2.8 *Ở nhà + Ôn tập kiến thức cũ, xây dựng đề cương câu hỏi ôn tập cho phần lục địa Phi; + Tự học nội dung 2.8 (nghiên cứu giáo trình, TLTK [1] trang 23-85; [2] trang 39-71.	A1.1 A1.2 A3.1	CLO 1, 2, 4, 5, 6, 7;8

				+ Đọc và nghiên cứu giáo trình, TLTK [2] trang 93-132.		
Tuần 8	Thi giữa kỳ		Thi tự luận		A2.1	CLO 1;4;5;6
CHƯƠNG 3: LỤC ĐỊA BẮC MỸ						
9	3.1. Vị trí, hình thể, giới hạn của lục địa. 3.2. Lịch sử phát triển của lục địa.	2/1/0	- Phương pháp thuyết trình, gọi mở vấn đáp; - Phương pháp thực hành bản đồ.	*Ở nhà + Đọc và nghiên cứu giáo trình. *Trên lớp + Nghe giảng và trả lời vấn đáp nội dung 3.1; 3.2 + Thực hành luyện tập nội dung 3.1 + Làm bài tập ngắn so sánh lịch sử phát triển địa chất lục địa Á-Âu và Bắc Mỹ + Kiểm tra giữa kỳ. *Ở nhà + Ôn tập kiến thức cũ; + Đọc nghiên cứu giáo trình TLTK [2] trang 93-132.	A1.1 A3.1	CLO 1,2,3,4;5;6
10	3.3. Địa hình. 3.4. Khoáng sản. 3.5. Khí hậu.	2/1/0	+ Thuyết trình, giải thích, gọi mở vấn đáp; + Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Think-pair-share) nội dung sự phân hoá các khu vực địa hình; + Phương pháp nhóm nội dung các đới khí hậu; + Thực hành bản đồ	*Ở nhà + Tự học, đọc và nghiên cứu giáo trình *Trên lớp + Nghe giảng trả lời câu hỏi nội dung đặc điểm chung Địa hình và khoáng sản, sự phân bố KS; các nhân tố ảnh hưởng đến hình thành khí hậu; + Báo cáo theo từng cặp nội dung sự phân hoá các khu vực địa hình; + Báo cáo nhóm nội dung các đới khí hậu + Thực hành xác định trên bản đồ các đơn vị	A1.1 A1.2 A3.1	CLO 1,3,4;5;6;8

				địa hình cụ thể và ranh giới các đới khí hậu và làm bài tập ngắn trên lớp. *Ở nhà + Ôn tập kiến thức cũ + Đọc và nghiên cứu giáo trình, TLTK [2] trang 93-132; + Thảo luận nhóm nội dung lưu vực thủy văn lục địa Bắc Mỹ.		
11	3.6. Thủy văn. 3.7. Cảnh quan. 3.8. Sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên.	2/1/0	- Thuyết trình, giải thích, vấn đáp; - Thực hành; - Tổ chức hoạt động nhóm trên lớp; - Hướng dẫn tự học nội dung 3.8.	* Ở nhà + Đọc và nghiên cứu TLTK *Trên lớp + Nghe giảng và trả lời vấn đáp nội dung đặc điểm chung thủy văn và cảnh quan; + Thực hành luyện tập nội dung xác định ranh giới đới cảnh quan; + Báo cáo nhóm nội dung lưu vực thủy văn lục địa Bắc Mỹ; + Thảo luận và làm bài tập ngắn nội dung các đới cảnh quan; + Tự học nội dung 3.8 *Ở nhà + Ôn tập kiến thức cũ, xây dựng đề cương câu hỏi ôn tập cho phần lục địa Bắc Mỹ; + Tự học nội dung 3.8 (nghiên cứu giáo trình, TLTK [2] trang 93-132; + Đọc và nghiên cứu giáo trình, TLTK [2] trang 93-132.	A1.1 A1.2 A3.1	CLO 4; 5, 6, 7;8
CHƯƠNG 4: LỤC ĐỊA NAM MỸ						
12	4.1. Vị trí, hình thể,	2/1/0	- Giải thích, gợi mở vấn đáp	*Ở nhà + Đọc và nghiên cứu	A1.1 A3.1	CLO 1, 2, 4,

	giới hạn của lục địa. 4.2. Lịch sử phát triển của lục địa. 4.3. Địa hình. 4.4. Khoáng sản.		- Thực hành phương pháp bản đồ.	giáo trình *Trên lớp + Nghe giảng và trả lời vấn đáp; + Thực hành luyện tập nội dung xác định các đơn vị địa hình; + Làm bài tập ngắn so sánh lịch sử phát triển địa chất và đặc điểm địa hình lục địa Bắc Mỹ và Nam Mỹ và lục địa Phi. *Ở nhà + Ôn tập kiến thức cũ; + Đọc nghiên cứu giáo trình TLTK [2] trang 93-132. + Chuẩn bị đề tài theo nhóm nội dung các lưu vực thủy văn và các đới cảnh quan lục địa Nam Mỹ.		5;6
13	4.5. Khí hậu. 4.6. Thủy văn. 4.7. Cảnh quan. 4.8. Sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên.	2/1/0	- Thuyết trình, giải thích, vấn đáp; - Thực hành bản đồ; - Tổ chức hoạt động nhóm trên lớp; - Tổ chức hướng dẫn tự học nội dung 4.8.	* Ở nhà + Đọc và nghiên cứu TLTK *Trên lớp + Nghe giảng và trả lời vấn đáp; + Thực hành luyện tập nội dung xác định ranh giới đới khí hậu, cảnh quan; + Báo cáo nhóm nội dung lưu vực thủy văn và các đới cảnh quan đã chuẩn bị; + Thảo luận và làm bài tập ngắn nội dung các đới cảnh quan và khí hậu, so sánh với lục địa Phi; + Tự học nội dung chương 2 *Ở nhà	A1.1 A1.2 A3.1	CLO 3, 4, 5, 7;8

				+ Ôn tập kiến thức cũ, xây dựng đề cương câu hỏi ôn tập cho phần lục địa Nam Mỹ; + Tự học nội dung 4.8 (nghiên cứu giáo trình, TLTK TLTK [2] trang 93-132. + Đọc và nghiên cứu giáo trình, TLTK [3] trang 25-93.		
CHƯƠNG 5: LỤC ĐỊA ÚC VÀ CÁC ĐẢO CHÂU ĐẠI DƯƠNG						
14	5.1. Vị trí, hình thể, giới hạn của lục địa Úc và các đảo châu Đại Dương. 5.2. Lịch sử phát triển của lục địa Úc và các đảo châu Đại Dương. 5.3. Địa hình. 5.4. Khoáng sản.	2/1/0	- Thuyết trình, giải thích, gọi mở vấn đáp - Phương pháp suy nghĩ - từng cặp - chia sẻ (Think-pair-share) - Thực hành bản đồ.	*Ở nhà + Đọc và nghiên cứu giáo trình *Trên lớp + Nghe giảng và trả lời vấn đáp; + Thực hành luyện tập nội dung xác định các đơn vị địa hình; + Làm bài tập ngắn so sánh đặc điểm địa chất và địa hình hai nhóm đảo. + Báo cáo theo cặp đôi các khu vực địa hình. *Ở nhà + Ôn tập kiến thức cũ; + Đọc nghiên cứu giáo trình TLTK [3] trang 25-93. + Chuẩn bị đề tài theo nhóm nội dung các lưu vực thủy văn và các đới cảnh quan lục địa.	A1.1 A3.1	CLO 1, 2, 4, 5
15	5.5. Khí hậu. 5.6. Thủy văn. 5.7. Cảnh quan. 5.8. Sử dụng tài nguyên thiên nhiên.	2/1/0	- Thuyết trình, giải thích, vấn đáp; - Thực hành; - Tổ chức hoạt động nhóm trên lớp. - Hướng dẫn tự học nội dung 5.8	* Ở nhà + Đọc và nghiên cứu TLTK *Trên lớp + Nghe giảng và trả lời vấn đáp; + Thực hành luyện tập nội dung xác định ranh giới đới khí hậu, cảnh quan;	A1.1 A1.2 A3.1	CLO 4, 5, 6, 7;8

				+ Báo cáo nhóm nội dung lưu vực thủy văn và các đới cảnh quan đã chuẩn bị; + Tự học nội dung chương 1.8 *Ở nhà + Ôn tập kiến thức cũ, xây dựng đề cương câu hỏi ôn tập cho phần lục địa Úc và các đảo CDD; + Tự học phần 1.8 (nghiên cứu giáo trình, TLTK [3] trang 25-93. + Đọc và nghiên cứu giáo trình, TLTK [3] trang 3-24.		
CHƯƠNG 6: LỤC ĐỊA NAM CỰC						
16	6.1. Khái niệm về lục địa Nam Cực và vùng Nam Cực. 6.2. Sơ lược lịch sử khám phá và nghiên cứu lục địa Nam Cực. 6.3. Cấu trúc địa chất và đặc điểm địa hình. 6.4. Đặc điểm thời tiết và khí hậu. 6.5. Sinh vật. 6.6. Mục đích nghiên	3 (2/1/0)	- Thuyết trình, giải thích, vấn đáp; - Thực hành; - Tổ chức hoạt động nhóm trên lớp.	*Ở nhà + Đọc và nghiên cứu giáo trình *Trên lớp + Nghe và trả lời vấn đáp nội dung 6.1, 6.2, 6.3;6.4 + Thảo luận, báo cáo nội dung 6.5, 6.6, 6.7 *Ở nhà + Ôn tập, kiểm tra	A1.1 A3.1	CLO 1, 2, 3, 4, 5

	cứu châu Nam Cực. 6.7. Hiệp ước về châu Nam Cực.					
17	Kiểm tra kết thúc học phần		Thi tự luận	Ôn tập tham gia thi kết thúc học phần	A3.1	CLO1-7

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Nguyễn Phi Hạnh	2009	Địa lí tự nhiên các lục địa (Tập 1)	Nhà XB Giáo dục
2	Nguyễn Phi Hạnh (Chủ biên); Ông Thị Đan Thanh, Nguyễn Đình Giang	2002	Địa lí các châu lục (Tập 1)	Nhà XB Đại học Sư Phạm
3	Nguyễn Phi Hạnh (Chủ biên); Ông Thị Đan Thanh		Địa lí các châu lục (tập 2)	Nhà XB Đại học Sư Phạm
Sách, giáo trình tham khảo				
4	Nguyễn Đình Giang	2010	GT Thực hành địa lí tự nhiên các lục địa	Nhà XB Đại học Sư Phạm
5	Nguyễn Phi Hạnh, Ông Thị Đan Thanh	2001	Địa lí các quốc gia	Nhà XB Giáo dục
6	Lê Bá Thảo (chủ biên)	1984	Địa lí tự nhiên đại cương, tập 1, tập 2, tập 3	Nhà XB Giáo dục
7	Nguyễn Quý Thao	2001	Tập bản đồ thế giới và các châu lục	Nhà XB Giáo dục

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
8	Continent	https://www.britannica.com/science/continent	01/07/2021
9	7 continents of the world: Facts you need to know	https://www.indiatoday.in/education-today/gk-current-affairs/story/7-continents-of-the-world-facts-html-1334565-2018-09-07	01/07/2021
10	National Geographic	https://www.nationalgeographic.org/encyclopedia/Continent/	01/07/2021
11	Introducing Physical Geograph	https://scele.ui.ac.id/berkas_kolaborasi/konten/mpktb/1718gnp/042.pdf	01/07/2021
12	Google Earth pro	https://earth.google.com/	

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1				
2				

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 07 năm 2021

P.Trưởng khoa**Trưởng bộ môn****Giảng viên biên soạn****TS. Trần Thị Ân****ThS. Nguyễn Thị Diệu****TS. Hoàng Thị Diệu Hương**

22. ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA: ĐỊA LÝĐộc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Địa lý kinh tế xã hội – thế giới
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	The socio - economic geography of the world
1.3	Mã học phần	31931141
1.4.	Số tín chỉ	3 TC
1.5.	Phân bố thời gian	
-	Lý thuyết	2 TC (30 tiết)
-	Bài tập/Thảo luận	1TC (15 tiết)
-	Thực hành/Thí nghiệm	0TC (0 tiết)
-	Tự học	90 tiết
1.6.	Các giảng viên phụ trách học phần	
-	Giảng viên phụ trách chính	ThS. Nguyễn Thị Hồng
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy	TS. Nguyễn Phú Thắng
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy	Địa lý kinh tế - xã hội
1.7.	Điều kiện tham gia học phần	
-	Học phần tiên quyết	Không
-	Học phần học trước	Không
-	Học phần song hành	Không
1.8	Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☒ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Địa lí kinh tế - xã hội thế giới là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành Địa lí học giúp người học nắm vững các kiến thức về bản đồ chính trị thế giới, sự phân bố không gian và một số đặc điểm chính của một số tổ chức kinh tế - xã hội trên thế giới, các nhân tố thúc đẩy, một số vấn đề ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, đặc điểm địa lí kinh tế, dân cư, xã hội của thế giới, châu lục và một số quốc gia tiêu biểu nhằm giúp sinh viên hình thành được hệ thống kiến thức về kinh tế - xã hội trên thế giới phục vụ cho dạy học, nghiên cứu và học tập suốt đời.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của học phần Địa lí kinh tế - xã hội thế giới là giúp người học có kiến thức địa lí kinh tế - xã hội thế giới, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để đảm nhận được các vị trí việc làm trong lĩnh vực Địa lí kinh tế, dân cư, xã hội, có khả năng nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời.

3.2. Mục tiêu HP cụ thể

Học xong học phần này, người học có:

- **CO1:** Có kiến thức về Địa lí kinh tế, dân cư, xã hội của thế giới, các châu và một số quốc gia tiêu biểu phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập suốt đời;
- **CO2:** Có kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng tư duy sáng tạo, truyền cảm ứng và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi;
- **CO3:** Có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Đóng góp cho PI	Mức độ đạt cho PI
CLO1	Trình bày được tên, sự hình thành, phân bố không gian và một số đặc điểm chính của các quốc gia và một số tổ chức kinh tế - xã hội trên thế giới.	PI1.3	M,A
CLO2	Giải thích được vai trò của các nguồn lực tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở các châu lục, khu vực	PI1.3	M,A

	và quốc gia tiêu biểu.		
CLO3	Phân tích được tình hình phát triển kinh tế - xã hội thế giới ở trên thế giới, khu vực và một số quốc gia tiêu biểu.	PI1.3	M,A
CLO4	Đánh giá được thuận lợi, khó khăn, một số vấn đề của nền kinh tế - xã hội trong bối cảnh hiện nay đối với thế giới, các châu, khu vực và một số quốc gia tiêu biểu.	PI1.3 PI6.3	M,A R
CLO5	Vận dụng được kỹ năng bản đồ, biểu đồ, kỹ năng tìm kiếm, xử lý và phân tích dữ liệu, số liệu thống kê về kinh tế - xã hội từ các nguồn nghiên cứu trong nước và quốc tế.	PI1.5 PI3.3	I I
CLO6	Rèn luyện được kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, trình bày báo cáo và thuyết trình theo các nội dung được phân công.	PI6.1	R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)									
	PLO1		PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6		PLO7	PLO8
	PI1.3	PI1.5		PI3.3			PI6.1	PI6.3		
CLO1	M,A									
CLO2	M,A									
CLO3	M,A									
CLO4	M,A						R			
CLO5		I		I						
CLO6							R			

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí/Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần và hoạt động trên lớp	P1.1. Đánh giá chuyên cần và tham gia hoạt động trên lớp	R01, R02	W1.1. 20%	W1 20%	CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6
	A1.2. Bài tập về nhà	P1.2. Trình bày trên giấy A4	R02	W1.2. 30%		CLO 1, 2, 3, 4
	A1.3. Báo cáo nhóm học tập	P1.3. Trình bày tại lớp	R04	W1.3. 50%		CLO 1, 2, 3, 4, 5, 6,
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Kiểm tra giữa kỳ	P2.1 Tự luận	Theo đáp án và thang chấm	W2.1. 100%	W2 30%	CLO 1, 2, 3, 4, 5
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Kiểm tra cuối kỳ	P3.1 Tự luận	Theo đáp án và thang chấm	W3.1 100%	W3 50%	CLO 1, 2, 3, 4, 5

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (3 tiết/ buổi)	Nội dung cơ bản của bài học/chương	Số tiết (LT/ THL1/ THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Giới thiệu học phần - Mục tiêu, CĐR; - Phương pháp đánh giá; - Điều kiện học tập; - Nội dung môn học Chương 1. Bản đồ chính trị thế giới 1.1. Trước các cuộc Phát kiến địa lý 1.2. Sau các cuộc Phát kiến địa lý đến kết thúc chiến tranh thế giới thứ 2 1.3. Sau chiến tranh thế giới thứ 2 đến nay	3/0/0	- Giải quyết vấn đề- Thuyết trình. - Làm việc với bản đồ.	Hoạt động trên lớp: - Nghe giảng và ghi bài. - Trả lời các câu hỏi của GV đưa ra. - Đặt câu hỏi các vấn đề quan tâm. - Làm việc với bản đồ: Khái quát lên bản đồ sự phát triển của bản đồ chính trị thế giới qua các giai đoạn. Hoạt động ở nhà: - Đọc [1], tr 5-7 và 9-16	A1.1 A1.2	CLO1, CLO5, CLO6
2	Chương 2. Khái quát tình hình phát triển kinh tế - xã hội thế giới 2.1. Một số nhân tố tác động đến nền kinh tế - xã hội thế giới	3/0/0	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Thảo luận theo nhóm về các nhân tố thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Hoạt động trên lớp: - Nghe giảng và ghi bài. - Thảo luận theo nhóm. - Trả lời các câu hỏi của giảng viên đưa ra. - Đặt câu hỏi các vấn đề quan tâm. Hoạt động ở nhà: - Đọc [1], tr 22-30. - Đọc [2], tr 50-57.	A1.1 A1.2	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5